TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 10 – 02 - 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Toàn

Bà Lê Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thạch – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Lê Thị Hoài Thơ

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc H; sinh ngày: 24 tháng 08 năm 1963

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên Tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị C; sinh ngày: 04 tháng 06 năm 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 09 năm 2022, trong bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Ngọc H trình bày: Ông H và bà C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 1986. Vợ chồng sống chung đến năm 2012 thì mâu thuẫn trầm trọng vì khác nhau trong

qua điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, năm 2013 bà C lấy cớ đi làm ăn và từ đó cho đến nay không về dẫn đến vợ chồng không quan tâm hay gọi điện hỏi han gì đến nhau, thỉnh thoảng bà C có gọi về cho con cái còn đối với Ông H thì bà C không quan tâm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề không thể khắc phục được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ 2013 cho đến nay, Ông H trình bày không còn tình cảm với bà C, đề nghị được ly hôn với bà C.

Trong quá trình chung sống ông Lê Ngọc H và bà Lê Thị C có 02 con chung là Lê Ngọc A – sinh ngày 27 tháng 07 năm 1986 và Lê Thị Yến O – sinh ngày 06 tháng 09 năm 1990. Trường hợp Tòa án giải quyết cho Ông H ly hôn với bà C thì hai con chung Lê Ngọc A và Lê Thị Yến O đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ông Lê Ngọc H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng ông Lê Ngọc H và bà Lê Thị C không có các khoản nợ chung nào và đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Lê Ngọc H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; bản sao căn cước công dân ông Lê Ngọc H; Bản sao sổ hộ khẩu; đơn xác nhận nhân khẩu; Bản sao căn cước công dân của cháu Lê Thị Yến O Đơn yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; bản tự khai; đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã có mặt tại địa phương để tống đạt các văn bản tố tụng cho bà C, nhưng bà C không có mặt, Ban công an xã Kỳ Phong (nơi cư trú cuối cùng của bà C) cũng không xác định được địa chỉ hiện tại của bà C. Sau khi xét thấy, việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã Quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo Công lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh VOV ba lần trong 03 ngày liên tiếp để thông tin cho bà Lê Thị C nội dung vụ án thời gian gia cụ thể có mặt tại Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, bà C không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của bà.

Để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tiến hành lập biên bản xác minh tại Ban Công an xã Kỳ Phong về việc cư trú của bà C, Báo Công lý 047 số 48, 49, 50 năm 2022 thể hiện việc đăng tin thông báo đến bà C, giấy nộp tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam vào tài khoảng của Báo Công lý và đài tiếng nói Việt Nam, hóa đơn giá trị gia tăng.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc H về việc ly hôn bà Lê Thị C

- Hai con chung là Lê Ngọc A – Sinh ngày 27 tháng 07 năm 1986 và Lê Thị Yến O – Sinh ngày 06 tháng 09 năm 1990 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét.

Về án phí: Ông Lê Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ban Công an xã Kỳ Phong xác nhận, bị đơn Lê Thị C từ năm 1986 tới nay có hộ khẩu tại Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, bà C có sinh sống và làm việc tại địa phương, tuy nhiên hiện không có mặt tại địa phương từ năm 2013 cho đến nay, bà C không thông báo với chính quyền về việc vắng mặt và không rõ địa chỉ mới, do đó xác định: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là nơi cư trú cuối cùng của bà C. Nguyên đơn ông Lê Ngọc H cũng không biết nơi cư trú, làm việc của bà C, do đó Ông H có quyền lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là Tòa án nơi cư trú cuối cùng của bà C để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị C đã được Tòa án được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ra Quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo Công lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh VOV ba lần trong 03 ngày liên tiếp để thông tin cho bà Lê Thị C nội dung vụ án thời gian gia cụ thể có mặt tại Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, bà C không có mặt tại phiên tòa và không có lý do chính đáng; nguyên đơn ông Lê Ngọc H có đơn xin vắng mặt, trình bày rõ nội dung yêu cầu. HĐXX Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt Ông H và bà C.

[2]. Về tình cảm: Theo trình bày của Ông H, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là vì khác nhau trong qua điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, năm 2013 bà C lấy cớ đi làm ăn và từ đó cho đến nay không về, để mặc một mình Ông H chăm sóc con cái, lo toan gia đình là không có trách nhiệm. HĐXX nhận thấy, yêu cầu ly hôn của Ông H là có căn cứ, hôn nhân giữa ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho Ông H ly hôn với bà C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Cháu Lê Ngọc A – sinh ngày 27 tháng 07 năm 1986 và Lê Thị Yến O – sinh ngày 06 tháng 09 năm 1990. Tính đến nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đi làm ăn, lập gia đình nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông Lê Ngọc H không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về án phí:

Ông Lê Ngọc H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ông H, bà C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, khỏan 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 , 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc H về việc ly hôn bà Lê Thị C.

- Về án phí: Ông Lê Ngọc H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005345 ngày 21 tháng 10 năm 2022. Tiền án phí ông Lê Ngọc H đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Ông H;
- Bị đơn: Bà C;
- VKS ND huyện Kỳ Anh (2 bản);
- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng